

Bản án số: 395/2022/DS-PT

Ngày 16- 6- 2022

V/v “*Tranh chấp liên quan đến yêu cầu
tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Minh

Các Thẩm phán: Ông Phạm Hồng Phong

Ông Phạm Trí Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Quang Nhựt - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngát - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 241/2021/TLPT-DS ngày 22 tháng 3 năm 2021 về việc: “*Tranh chấp liên quan đến yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 2140/2020/DS-ST ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 722/2022/QĐPT-DS ngày 16 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Thùy L, sinh năm 1973 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: 2/5, khu phố 2, phường A, Thành phố B, tỉnh Đ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là Luật sư Huỳnh Minh V, Văn phòng Luật sư Huỳnh Minh V, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Bị đơn: 1/ Bà Nguyễn Thị Minh C, sinh năm 1965 (vắng mặt)

2/ Ông Nguyễn Hữu Đ, sinh năm 1964 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: số 74 đường 379, phường T, Quận 9 (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố H(nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Nguyễn Hữu Minh Đ1, sinh năm 1992 (vắng mặt)

Địa chỉ: 74 đường 379, phường TT, Quận 9 (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Văn phòng công chứng Quận 9

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đ2, sinh năm 1965 – Trưởng Văn phòng.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Minh Đ, sinh năm 1986 (Theo Giấy ủy quyền số 04/GUQ-VPCCQ9 lập ngày 29/5/2017) (vắng mặt)

Địa chỉ: 10 T, phường H, Quận 9 (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Ủy ban nhân dân Quận 9 (nay là Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng T - Chủ tịch

Người đại diện theo ủy quyền là bà Phạm Mai C – Chuyên viên Phòng Tài nguyên và Môi trường Quận 9 (nay là thành phố Thủ Đức) (Theo Giấy ủy quyền số 4856/GUQ-UBND ngày 21/7/2021) (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Số 168 Trương Văn B, phường Thạnh Mỹ L, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người kháng cáo: nguyên đơn bà Phạm Thị Thùy L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18 tháng 10 năm 2016 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 28 tháng 02 năm 2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm Thị Thùy L trình bày:

[1] Vào năm 2006 đến 30/6/2012, bà L cho ông Nguyễn Hữu Đ và bà Nguyễn Thị Minh C vay số tiền 1.100.000.000 đồng. Do bà C vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên vào năm 2012 bà đã làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp về hợp đồng vay tài sản. Theo Bản án dân sự sơ thẩm số 327/2013/DSST ngày 29/11/2013 của Tòa án nhân dân Quận 9 và bản án phúc thẩm số 421/2014/DS-PT ngày 28/3/2014 của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh đã chấp nhận yêu cầu của bà L, buộc ông Đ, bà C có trách nhiệm liên đới trả cho bà L số tiền tổng cộng là 1.310.375.000 đồng (Một tỷ ba trăm mười triệu ba trăm bảy mươi lăm ngàn đồng). Sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật bà C và ông Đ không tự nguyện thi hành án mà có hành vi tẩu tán tài sản duy nhất của mình, đã tặng cho toàn bộ căn nhà và đất số 74, đường số 379, phường , Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh cho người con ruột là ông Nguyễn Hữu Minh Đ1 theo Hợp đồng tặng cho quyền sở hữu nhà ở số 1733/HĐ-TC ngày 30/3/2013 của Văn phòng công chứng Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

Do đó, bà L yêu cầu Tòa án hủy Hợp đồng tặng cho trên và bổ sung yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của ông Nguyễn Hữu Minh Đ1 liên quan đến nhà đất số 74 đường số 379 (lô đất số 169, tờ bản đồ số 3), phường T, Quận 9.

[2] Bị đơn ông Nguyễn Hữu Đ và bà Nguyễn Thị Minh C vắng mặt mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hữu Minh Đ1 vắng mặt mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ;

[3] Văn phòng công chứng Quận 9, Thành phố H (do ông Nguyễn Minh Đ đại diện ủy quyền) trình bày: Ngày 30/3/2013 Văn phòng công chứng Quận 9 có nhận được yêu cầu công chứng hợp đồng Tặng cho quyền sở hữu nhà ở tọa lạc tại lô đất số: 169, tờ bản đồ số 3, địa chỉ: 74 đường 379, phường Tăng Nhơn Phú A, Quận 9, Thành phố H(số cũ: 13D ấp Thạnh P, xã Tăng Nhơn P, huyện Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh) giữa ông, bà Nguyễn Hữu Đ, Nguyễn Thị Minh C và ông Nguyễn Hữu Minh Đ1. Tại thời điểm công chứng hai bên đã xuất trình đầy đủ: Chứng minh nhân dân, Sổ hộ khẩu, Giấy đăng ký kết hôn của vợ chồng bên tặng cho, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, Tờ khai chuyển dịch tài sản nộp thuế trước bạ, Quyết định đổi số nhà (tất cả hồ sơ đều có bản chính để đối chiếu). Sau khi kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ và sự tự nguyện giao kết hợp đồng của các bên, đồng thời công chứng viên thụ lý hồ sơ đã kiểm tra tra cứu ngăn chặn của Sở tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh không thấy bất động sản nêu trên bị cấm giao dịch. Văn phòng công chứng Quận 9 đã tiến hành công chứng hợp đồng tặng cho bất động sản nêu trên với số công chứng: 1733/HĐ-TC ngày công chứng vào ngày 30/3/2013 do công chứng viên Nguyễn Đ2 ký công chứng. Nhận thấy Văn phòng công chứng đã thực hiện việc công chứng hợp đồng tặng cho nêu trên đúng và đầy đủ theo quy định của pháp luật vì thế Văn phòng công chứng Quận 9 không đồng ý với yêu cầu tuyên bố Văn bản công chứng vô hiệu của nguyên đơn bà Phạm Thị Thùy L.

[4] Ủy ban nhân dân Quận 9, Thành phố H(do ông Trần Thế Khanh làm đại diện) có ý kiến: Ngày 30/8/1991, Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở số 957/UB cho bà Nguyễn Thị Minh C được quyền sở hữu căn nhà số 13D ấp Thạnh P, xã Tăng Nhơn P, huyện Thủ Đức (nay là phường Tăng Nhơn P, Quận 9). Ngày 30/3/2014 tại Văn phòng công chứng Quận 9 ông Nguyễn Hữu Đ và bà Nguyễn Thị Minh C lập Hợp đồng số 1733/HĐ-TC tặng cho quyền sở hữu căn nhà số 74 Đường số 379, phường TT, Quận 9 (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố H(số cũ: 13D, ấp Thạnh P, xã Tăng Nhơn P, huyện Thủ Đức) cho ông Nguyễn Hữu Minh Đ1. Ngày 30/12/2013 ông Nguyễn Hữu Minh Đ1 lập thủ tục đề nghị cấp lại, cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất căn nhà số 74 Đường số 379, phường Tăng Nhơn Phú A, Quận 9. Ngày 03/3/2014, Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh có công văn số 34/DS-TA về việc trả lời đơn khiếu nại của ông Đăng với nội dung là Tòa án đã không chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị Thùy L về việc ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời cấm chuyển dịch quyền về tài sản đối với căn nhà số 74 Đường số 379, phường Tăng Nhơn Phú A, Quận 9. Ngày 31/3/2014, Ủy ban nhân dân Quận 9 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT 536486 (CH 03999) cho ông Nguyễn Hữu Minh Đ1 với diện tích đất được công nhận 111,8 m², diện tích xây dựng 53,8 m² thuộc thửa 901, tờ bản đồ số 18, phường TT, Quận 9 (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố H(theo

Tài liệu năm 2003). Thửa 901 được thành lập từ một phần thửa 169 tờ bản đồ số 3 (theo Tài liệu 02/CT-UB) tương ứng một phần thửa 3 tờ bản đồ số 18 (Theo tài liệu năm 2003). Ông Khanh xin vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc, hòa giải và xét xử.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 2140/2020/DS-ST ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 37, Điều 147, Điều 271 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 158, Điều 223 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc hủy hợp đồng tặng cho quyền sở hữu nhà ở số 1733/HĐ-TC ngày 30/3/2013 của Văn phòng công chứng Quận 9, Thành phố H và hủy Giấy chứng nhận đã cấp cho ông Nguyễn Hữu Minh Đ1 theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất quyền số BT 536486 số vào sổ giấy chứng nhận CH 03999 tại địa chỉ nhà đất số 74, đường số 379, Khu phố 6, phường Tăng Nhơn P, Quận 9, Thành phố H

Ngoài ra, bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 24/12/2020, nguyên đơn bà Phạm Thị Thùy L kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

* Nguyên đơn bà Phạm Thị Thùy L có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn Luật sư Huỳnh Minh V có đơn xin xét xử vắng mặt kèm theo bản trình bày kháng cáo và luận cứ.

Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân Quận 9 (nay là Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức bà Phạm Mai C có đơn xin xét xử vắng mặt.

* Bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hữu Minh Đ1, Văn phòng Công chứng Quận 9 vắng mặt tại phiên tòa.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Cấp cao tại Thành Phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân thủ pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:*

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự, đảm bảo cho các đương sự có các quyền và nghĩa vụ theo quy định; gửi các Quyết định, Thông báo cho Viện kiểm sát cùng cấp,

đương sự đầy đủ, đúng thời hạn. Hội đồng xét xử đúng thành phần, phiên tòa diễn ra theo đúng trình tự và quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Xét kháng cáo của nguyên đơn, thấy: Từ năm 2006 đến ngày 30/6/2012, bà L cho ông Nguyễn Hữu Đ và bà Nguyễn Thị Minh C vay số tiền 1.100.000.000 đồng. Do bàC vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên vào năm 2012 bà đã làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Theo bản án dân sự sơ thẩm số 327/2013/DS-ST ngày 29/11/2013 của Tòa án nhân dân Quận 9 và bản án phúc thẩm số 421/2014/DS-PT ngày 28/3/2014 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã chấp nhận yêu cầu của bà L, buộc ông Đ, bàC có trách nhiệm liên đới trả cho bà L số tiền tổng cộng là 1.310.375.000 đồng. BàC và ông Đ có tài sản duy nhất là căn nhà và đất số 74 đường 379, phường Tăng Nhơn P, Quận 9, Thành phố Hnhung đã tặng cho người con ruột là ông Nguyễn Hữu Minh Đ1 theo hợp đồng tặng cho quyền sở hữu nhà ở số 1733/HĐ-TC ngày 30/3/2013 của Văn phòng công chứng Quận 9, Thành phố H

Xét thấy, ngày 30/3/2013 Văn phòng công chứng Quận 9 có nhận được yêu cầu công chứng hợp đồng tặng cho quyền sử dụng nhà ở tọa lạc tại lô đất 169, tờ bản đồ số 3, địa chỉ số 74 đường 379, phường TT, Quận 9 (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố H giữa ông, bà Nguyễn Hữu Đ, Nguyễn Thị Minh C và ông Nguyễn Hữu Minh Đ1. Theo lời khai của đại diện Văn phòng công chứng Quận 9 thấy: Tại thời điểm công chứng hai bên đã xuất trình đầy đủ chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu, giấy đăng ký kết hôn của vợ chồng bên tặng cho, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, Tờ khai chuyển dịch tài sản nộp thuế trước bạ, Quyết định đổi sổ nhà. Sau khi kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ và sự tự nguyện giao kết hợp đồng của các bên, đồng thời Công chứng viên thụ lý hồ sơ đã kiểm tra, tra cứu ngăn chặn của Sở tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh không thấy bất động sản nêu trên bị cấm giao dịch nên Công chứng viên Nguyễn Đ2 đã tiến hành công chứng hợp đồng tặng cho bất động sản.

Mặt khác, ngày 30/12/2013 ông Nguyễn Hữu Minh Đ1 lập thủ tục đề nghị cấp lại, cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất căn nhà số 74 đường 379, phường Tăng Nhơn P, Quận 9. Ngày 03/3/2014, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có công văn số 34/DS-TA về việc trả lời đơn khiếu nại của ông Đăng với nội dung là Tòa án không chấp nhận yêu cầu của bà L về việc ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, chuyển dịch quyền về tài sản đối với căn nhà số 74 đường số 379, phường Tăng Nhơn Phú A, Quận 9. Ngày 31/3/2014, Ủy ban nhân dân Quận 9 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT 636486 được cấp cho ông Nguyễn Hữu Minh Đ1 với diện tích được công nhận 111,8m², diện tích xây dựng 53,8m²

thuộc thửa 901, tờ bản đồ số 18, phường Tăng Nhơn Phú A, Quận 9. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là đúng quy định pháp luật.

Nguyên đơn bà Phạm Thị Thùy L yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sở hữu nhà ở số 1733/HĐ-TC ngày 30/3/2013 của Văn phòng công chứng Quận 9 và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT 636486 được cấp cho ông Nguyễn Hữu Minh Đ1, kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm mà không cung cấp thêm chứng cứ chứng minh ngoài hồ sơ vụ án nên không có cơ sở chấp nhận. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Phạm Thị Thùy L, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn Luật sư Huỳnh Minh V, người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân Quận 9 (nay là Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức bà Phạm Mai Cầm có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hữu Minh Đ1, Văn phòng Công chứng Quận 9 được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 3 nhưng vắng mặt. Căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này theo quy định.

[2] Vào ngày 30/3/2013, Văn phòng công chứng Quận 9 nhận được yêu cầu công chứng Hợp đồng tặng cho quyền sở hữu nhà ở tọa lạc tại lô đất số 169, tờ bản đồ số 3, địa chỉ 74 đường 379, phường Tăng Nhơn Phú A, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh (số cũ: 13D ấp Thạnh P, xã Tăng Nhơn P, huyện Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh) giữa ông, bà Nguyễn Hữu Đ, Nguyễn Thị Minh C và ông Nguyễn Hữu Minh Đ1. Tại thời điểm công chứng hai bên đã xuất trình đầy đủ: Chứng minh nhân dân, Sổ hộ khẩu, Giấy đăng ký kết hôn của vợ chồng bên tặng cho, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, Tờ khai chuyển dịch tài sản nộp thuế trước bạ, Quyết định đổi số nhà (tất cả hồ sơ đều có bản chính để đối chiếu). Công chứng viên thụ lý hồ sơ đã kiểm tra tra cứu ngăn chặn của Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh và không thấy bất động sản nêu trên bị cấm giao dịch. Văn phòng công chứng Quận 9 đã tiến hành công chứng Hợp đồng tặng cho bất động sản nêu trên với số công chứng: 1733/HĐ-TC ngày 30/3/2013 do Công chứng viên Nguyễn Đ2 ký công chứng.

Hội đồng xét xử nhận thấy, khi tiến hành công chứng Hợp đồng tặng cho bất động sản, Công chứng viên đã kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ, sự tự nguyện

giao kết hợp đồng của các bên, bất động sản được tặng cho không bị cầm giao dịch, không có thông tin bị ngăn chặn giao dịch. Tại thời điểm này, tranh chấp về việc vay tiền giữa nguyên đơn và bị đơn vẫn chưa được Toà án giải quyết, bất động sản được tặng cho giữa bị đơn và ông Nguyễn Hữu Minh Đ1 không được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay. Văn phòng công chứng đã thực hiện việc công chứng hợp đồng tặng cho theo đúng quy định của pháp luật.

[3] Ngày 30/12/2013 ông Nguyễn Hữu Minh Đ1 lập thủ tục đề nghị cấp lại, cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất căn nhà số 74 Đường số 379, phường Tăng Nhơn Phú A, Quận 9. Ngày 31/3/2014, Ủy ban nhân dân Quận 9 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT 536486 (CH 03999) cho ông Nguyễn Hữu Minh Đ1 với diện tích đất được công nhận 111,8 m², diện tích xây dựng 53,8 m² thuộc thửa 901, tờ bản đồ số 18, phường TT, Quận 9 (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố H(theo Tài liệu năm 2003). Thửa 901 được thành lập từ một phần thửa 169 tờ bản đồ số 3 (theo Tài liệu 02/CT-UB) tương ứng một phần thửa 3 tờ bản đồ số 18 (Theo tài liệu năm 2003). Hội đồng xét xử nhận thấy việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của Ủy ban nhân dân Quận 9 là đúng theo quy định pháp luật.

[4] Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn phải nộp án phí phúc thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 158, Điều 223 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

1. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc hủy Hợp đồng tặng cho quyền sở hữu nhà ở số 1733/HĐ-TC ngày 30/3/2013 của Văn phòng công chứng Quận 9, Thành phố H và hủy Giấy chứng nhận đã cấp cho ông Nguyễn Hữu Minh Đ1 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT 536486, sổ vào sổ giấy chứng nhận CH 03999 tại địa chỉ nhà đất số 74, đường số 379, Khu phố 6, phường Tăng Nhơn Phú A, Quận 9, Thành phố H

2. Án phí dân sự:

Bà Phạm Thị Thùy L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Sau khi khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà L đã nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số AC/2014/0008349 ngày 27/10/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 9, bà L phải nộp thêm 100.000 đồng (Một trăm nghìn đồng).

Bà Phạm Thị Thùy L phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ toàn bộ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà L đã nộp theo Biên lai thu số 0093476 ngày 05/01/2021 của Cục thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị tiếp tục có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hiệu kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Văn Minh